

Kính gửi: Trung Tâm Xúc Tiến Đầu Tư & Hỗ Trợ Doanh Nghiệp tỉnh Tiền Giang

Dựa trên những yêu cầu trong Kế hoạch 159 (159/KH-UBND) của UBND tỉnh Tiền Giang ngày 19/5/2022 về việc triển khai Đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở ban ngành và Địa phương, chúng tôi xin gửi tới Quý Trung tâm đề xuất của Viet Analytics về Bộ chỉ số và các chỉ tiêu cho tỉnh Tiền Giang. Chúng tôi xin lưu ý một số điểm như sau:

- 1. Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số DDCI được lựa chọn tương tự các chỉ số thành phần PCI: Đây là nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng bộ chỉ số và các chỉ tiêu DDCI. Tuy nhiên, do có những sự khác biệt nhất định giữa cấp tỉnh với cấp địa phương nên trong thực tế triển khai, bộ chỉ số DDCI không thể sao chép nguyên cấu trúc bộ chỉ số PCI. Chính vì vậy, việc xây dựng chỉ số DDCI cần phù hợp với quy mô sở ban ngành và địa phương, đảm bảo vừa phản ánh được đầy đủ các chỉ số thành phần PCI, vừa có thể triển khai được trên thực tế.*
- 2. Căn cứ trên bản Dự kiến về 10 chỉ số thành phần đối với khối địa phương và 07 chỉ số đối với khối Sở ban ngành tại Kế hoạch 159, chúng tôi đã thiết kế ra Bộ chỉ số DDCI Tiền Giang 2022 gồm 09 chỉ số thành phần cho khối Địa phương và 08 chỉ số thành phần cho khối Sở, ban, ngành. Bộ chỉ số mới này và các chỉ tiêu đi kèm đáp ứng được toàn bộ các cấu phần theo yêu cầu của bản Kế hoạch 159 (chi tiết tại Phụ lục I).*
- 3. Đồng thời, trong bộ chỉ số DDCI được VietAnalytics xây dựng, chúng tôi đã bổ sung, cập nhật nhiều khía cạnh mới nhất của PCI 2021, trong đó nhấn mạnh đến các lĩnh vực “Ứng dụng công nghệ thông tin” (Chuyển đổi số) trong cải cách thủ tục hành chính và đề cao “Vai trò của người đứng đầu”. Như vậy, bộ chỉ số DDCI được VietAnalytics xây dựng vừa đáp ứng được các yêu cầu của Tỉnh, vừa cập*

nhật được những thay đổi mới nhất trong PCI, vừa có thể triển khai trên thực tế (chi tiết tại Phụ lục II và Phụ lục III).

4. Trong Bộ chỉ số DDCI Tiền Giang 2022 chúng tôi đề xuất đưa vào 3 chỉ tiêu cứng. Chỉ tiêu cứng là các chỉ tiêu không dựa trên ý kiến của doanh nghiệp mà dựa trên số liệu thống kê cung cấp bởi các đơn vị trong tỉnh và được UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể là:

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết TTHC theo đúng hoặc nhanh hơn quy định pháp luật hiện hành: Dựa trên thống kê về số lượng hồ sơ giải quyết chậm hoặc đúng hạn do các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cung cấp.
- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thực tế so với kế hoạch: Số liệu về tỷ lệ giải ngân thực tế tính đến ngày 30/11/2022 do UBND tỉnh cung cấp.
- Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới so với tổng số doanh nghiệp còn hoạt động của địa phương: Số liệu doanh nghiệp thành lập mới tính đến 30/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp.

5. Chúng tôi gửi kèm Phiếu khảo sát DDCI cho Khối Địa phương và Khối Sở, ban, ngành kèm theo công văn này.

Trên đây là ý kiến của chúng tôi về Bộ chỉ số DDCI Tiền Giang năm 2022. Chúng tôi rất mong nhận được phản hồi của Quý Trung tâm.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC



Phụ lục I: Các yêu cầu trong bản Dự kiến chỉ số của Tỉnh được phản ánh trong bộ chỉ số được VietAnalytics xây dựng

A. Yêu cầu cho Khối Sở ban ngành

	Bộ chỉ số DDCI theo Dự kiến tại Kế hoạch 159	Phản ánh trong bộ chỉ số DDCI được VietAnalytics xây dựng
1	Hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch	Được phản ánh đa dạng trong các chỉ tiêu của các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”; “Thiết chế pháp lý”; “Tính năng động, sáng tạo”.
2	Chất lượng dịch vụ công	Được phản ánh đầy đủ trong các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”, “Chi phí thời gian”
3	Minh bạch thông tin và đối xử công bằng	Được phản ánh đầy đủ trong các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”, “Đối xử bình đẳng”
4	Tính năng động và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo	Được phản ánh đầy đủ trong các chỉ số “Tính năng động, sáng tạo”, “Hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp”, “Vai trò của người đứng đầu”
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Được phản ánh đầy đủ trong chỉ số “Hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp”
6	Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực thi chính sách, văn bản pháp luật	Được phản ánh đầy đủ trong các chỉ số “Thiết chế pháp lý” và “Tính năng động, sáng tạo”
7	Chi phí không chính thức	Tương đương với chỉ số “Chi phí không chính thức” của Bộ chỉ số mới

B. Yêu cầu cho Khối Địa phương

	Bộ chỉ số DDCI theo Dự kiến tại Kế hoạch 159	Phản ánh trong bộ chỉ số DDCI được VietAnalytics xây dựng
1	Chi phí gia nhập thị trường	Được phản ánh trong các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”, “Chi phí thời gian”, “Đổi xử bình đẳng”
2	Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh	Được phản ánh trong chỉ số “Tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng”
3	Chất lượng dịch vụ công trong cấp phép và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra	Được phản ánh trong các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”, “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp”
4	Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo huyện	Được phản ánh trong các chỉ số “Tính năng động, sáng tạo”, “Vai trò của người đứng đầu”
5	Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình	Được phản ánh trong các chỉ số “Hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp”, “Tính năng động sáng tạo”, “Vai trò của người đứng đầu”
6	Minh bạch thông tin và đổi xử công bằng	Được phản ánh trong các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”, “Đổi xử bình đẳng”
7	Hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, chất lượng dịch vụ công và hiệu quả của bộ phận một cửa	Được phản ánh trong các chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin”, “Chi phí thời gian”
8	Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh	Được phản ánh trong chỉ số “Hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp”
9	Chi phí không chính thức	Tương đương chỉ số “Chi phí không chính thức”

10	Hiệu quả của công tác an ninh trật tự đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn	Được phản ánh trong chỉ số “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự”
----	---	---

Phụ lục II: Bộ chỉ số và chỉ tiêu cho khối Sở ban ngành

Bộ chỉ số DDCI cho khối Sở ban ngành (08 chỉ số)

- 1) Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin
- 2) Chi phí không chính thức
- 3) Chi phí thời gian
- 4) Đối xử bình đẳng
- 5) Hỗ trợ và đối thoại với doanh nghiệp
- 6) Thiết chế pháp lý
- 7) Tính năng động, sáng tạo
- 8) Vai trò của người đứng đầu sở, ban, ngành

Bộ chỉ tiêu DDCI cho khối Sở ban ngành (65 chỉ tiêu)

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
1	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin	13
	<i>Tiếp cận thông tin</i>	
1.1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	
1.2	Doanh nghiệp nhận được thông tin, văn bản mà doanh nghiệp cần khi yêu cầu sở, ban, ngành cung cấp	
	<i>Minh bạch thông tin</i>	
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai	
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai	
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về văn bản, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách được cập nhật thường xuyên, đầy đủ	
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, số liệu thống kê được cập nhật thường xuyên, đầy đủ	
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng thông tin điện tử có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp rất hữu ích	

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin</i>	
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử	
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến	
1.10	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là không khó khăn	
1.11	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	
1.12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	
1.13	Khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	
2	Chi phí không chính thức	6
	<i>Thực trạng chi phí không chính thức</i>	
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng những nhiễu còn phổ biến tại sở, ban, ngành	
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng "Có mối quan hệ với cán bộ nhà nước" giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính tại sở, ban, ngành	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "có mối quan hệ" sẽ thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của sở, ban, ngành	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trục lợi khi làm thủ tục hành chính	

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá	
	<i>Mức trả chi phí không chính thức</i>	
2.6	Tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ của sở, ban, ngành	
3	Chi phí thời gian	
	<i>Thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>	11
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi xếp hàng đến lượt giải quyết thủ tục hành chính	
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục hành chính được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	
3.3	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận" khi gửi hồ sơ trực tuyến	
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp phải tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	
3.5	Số lần doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	
3.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	
3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp trường hợp đùn đẩy trách nhiệm công việc giữa các sở, ban, ngành	
3.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng hoặc nhanh hơn quy định pháp luật hiện hành	
	<i>Thanh tra, kiểm tra riêng</i>	
3.9	Số lần thanh kiểm tra riêng	
3.10	Thời gian thanh kiểm tra riêng	

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
3.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	
4	Đối xử bình đẳng	6
	<i>Đối xử bình đẳng</i>	
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sở, ban, ngành có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân	
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của sở, ban, ngành dành cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp	
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động đối thoại doanh nghiệp chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	
	<i>Ưu ái cho DN lớn và DN thân hữu</i>	
4.4	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sâu sau và doanh nghiệp thân hữu của sở, ban, ngành	
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho doanh nghiệp sâu sau và doanh nghiệp thân hữu	
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho doanh nghiệp lớn	
5	Hỗ trợ và đối thoại với doanh nghiệp	8
	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp</i>	
5.1	Mức độ doanh nghiệp được tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành	
5.2	Mức độ doanh nghiệp đánh giá thủ tục để được tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành là dễ dàng	
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành là thực chất	
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành đã có cải thiện nhiều	
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ của sở, ban, ngành hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	
	<i>Đổi thoại doanh nghiệp</i>	
5.7	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình đổi thoại doanh nghiệp của sở, ban, ngành	
5.8	Chất lượng của hoạt động đổi thoại của sở, ban, ngành	
6	Thiết chế pháp lý	
	<i>Phổ biến pháp luật</i>	6
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành cung cấp kịp thời và đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý	
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành do cấp tỉnh ban hành chậm so với nhu cầu thực tiễn	
	<i>Thực thi pháp luật</i>	
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành do cấp tỉnh ban hành có tính khả thi thấp	
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình	
	<i>Niềm tin vào thiết chế pháp lý</i>	
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của sở, ban, ngành làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp	
7	Tính năng động, sáng tạo	8
	<i>Hiệu quả hoạt động</i>	

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định sở, ban, ngành đã đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung của tỉnh	
	<i>Tính năng động, sáng tạo</i>	
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của sở, ban, ngành	
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện/tỉnh	
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá còn hiện tượng cán bộ đi muộn, về sớm	
	<i>Mức độ hài lòng</i>	
7.7	Mức độ hài lòng đối với công thông tin điện tử	
7.8	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ về thực hiện thủ tục hành chính	
8	Vai trò của người đứng đầu sở, ban, ngành	
	<i>Công tác điều hành của người đứng đầu</i>	7
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ	
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	

Mã	Tên chỉ tiêu - DCCI Tiền Giang 2022 - Khối Sở ban ngành	Số chỉ tiêu
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp	
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp trong các buổi đối thoại	
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành nghiêm minh với cán bộ cấp dưới	
	<i>Mức độ doanh nghiệp ủng hộ người đứng đầu</i>	
8.7	Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu sở, ban, ngành	
Tổng số chỉ tiêu		65

Phụ lục III: Bộ chỉ số và chỉ tiêu cho khối Địa phương

Bộ chỉ số DDCI cho khối Địa phương (09 chỉ số):

- 1) Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin
- 2) Tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng
- 3) Chi phí không chính thức
- 4) Chi phí thời gian
- 5) Đối xử bình đẳng
- 6) Hỗ trợ và đối thoại với doanh nghiệp
- 7) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự
- 8) Tính năng động, sáng tạo
- 9) Vai trò của người đứng đầu UBND chính quyền địa phương

Bộ chỉ tiêu DDCI cho khối Địa phương (80 chỉ tiêu):

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
1	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin	15
	<i>Tiếp cận thông tin</i>	
1.1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	
1.2	Doanh nghiệp nhận được thông tin, văn bản mà doanh nghiệp cần khi yêu cầu chính quyền địa phương cung cấp	
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử	
	<i>Minh bạch thông tin</i>	
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai	
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về văn bản, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách được cập nhật thường xuyên, đầy đủ	
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về hoạt động, quy hoạch, kế hoạch, ngân sách được công khai trên cổng thông tin điện tử	
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công được công khai trên cổng thông tin điện tử	
1.10	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng thông tin điện tử của đơn vị có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp rất hữu ích	
	<i>Triển khai thủ tục hành chính trực tuyến</i>	
1.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến	
1.12	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là đơn giản và dễ dàng hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	
1.13	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	
1.14	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	
1.15	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
	tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	
2	Tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng	7
	<i>Mức độ đáp ứng nhu cầu</i>	
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh đáp ứng được tương đối đầy đủ nhu cầu	
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp nếu có nhu cầu tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng có cải thiện	
	<i>Mức độ ổn định</i>	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro khi sử dụng đất tại địa phương	
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp là thỏa đáng nếu như bị thu hồi	
2.6	Mức độ doanh nghiệp đánh giá tích cực tiến độ và chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương	
2.7	Mức độ doanh nghiệp đánh giá tích cực về nỗ lực hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng	
3	Chi phí không chính thức	6
	<i>Thực trạng chi phí không chính thức</i>	
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu còn phổ biến tại các cơ quan chính quyền địa phương	
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng "có mối quan hệ" với cán bộ nhà nước sẽ giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "có mối quan hệ" sẽ thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của chính quyền địa phương	
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trục lợi khi làm thủ tục hành chính	
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại chính quyền địa phương	
	<i>Mức trả chi phí không chính thức</i>	
3.6	Tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ các cơ quan chính quyền địa phương	
4	Chi phí thời gian	12
	<i>Thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>	
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi xếp hàng đến lượt giải quyết thủ tục hành chính	
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục hành chính được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết TTHC theo đúng hoặc nhanh hơn quy định pháp luật hiện hành	
4.4	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận" khi gửi hồ sơ trực tuyến	
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp phải tình trạng hồ sơ thủ tục hành chính đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	
4.6	Số lần doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	
4.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết Trung tâm hành chính công có cán bộ đón tiếp, hướng dẫn	
4.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Trung tâm hành chính công có chất lượng tốt	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
4.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	
	<i>Thanh tra, kiểm tra riêng</i>	
4.10	Số lần thanh kiểm tra riêng	
4.11	Thời gian thanh kiểm tra riêng	
4.12	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	
5	Đối xử bình đẳng	6
	<i>Đối xử bình đẳng</i>	
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh chính quyền địa phương có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân	
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của chính quyền địa phương dành cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp	
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động đối thoại doanh nghiệp chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	
	<i>Ưu ái cho DN lớn và DN thân hữu</i>	
5.4	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sâu sau và doanh nghiệp thân hữu của chính quyền địa phương	
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho doanh nghiệp sâu sau và/hoặc doanh nghiệp thân hữu	
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho doanh nghiệp lớn	
6	Hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp	8
	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp</i>	
6.1	Mức độ doanh nghiệp đã tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
6.2	Mức độ doanh nghiệp đánh giá thủ tục để tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương là dễ dàng	
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương là thực chất	
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương đã có cải thiện nhiều	
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ của chính quyền địa phương hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	
	<i>Đối thoại doanh nghiệp</i>	
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình đối thoại doanh nghiệp của chính quyền địa phương	
6.8	Chất lượng của hoạt động đối thoại của chính quyền địa phương	
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	9
	<i>Đảm bảo an ninh trật tự của chính quyền</i>	
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến trên địa bàn	
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản trên địa bàn	
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường	
	<i>Chi phí an ninh trật tự</i>	
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải bỏ nhiều chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh	
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh còn phải trả các chi phí bảo kê	
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng bảo kê còn phổ biến trên địa bàn	
	<i>Niềm tin vào các thiết chế pháp lý</i>	
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết thỏa đáng nếu gặp trường hợp cán bộ của chính quyền địa phương làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp	
7.9	Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án cấp huyện để phân xử trong trường hợp có tranh chấp	
8	Tính năng động, sáng tạo	10
	<i>Hiệu quả hoạt động</i>	
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định môi trường đầu tư và kinh doanh của địa phương đã có cải thiện đáng kể	
8.2	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thực tế so với kế hoạch	
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới so với tổng số doanh nghiệp còn hoạt động của địa phương	
	<i>Tính năng động, sáng tạo</i>	
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của chính quyền địa phương	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương chủ động tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện/tỉnh	
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	
8.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	
8.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá còn hiện tượng cán bộ đi muộn, về sớm	
	Mức độ hài lòng	
8.9	Mức độ hài lòng đối với công thông tin điện tử	
8.10	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ trong việc thực hiện thủ tục hành chính	
9	Vai trò của người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	7
	Công tác điều hành của người đứng đầu	
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại địa phương	
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương đề cao ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo để cải thiện công tác thủ tục hành chính	
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của cán bộ và hệ thống chính quyền	

Mã	Tên chỉ tiêu (DDCI Tiền Giang 2022 - Khối địa phương)	Số chỉ tiêu
9.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp	
9.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp trong các buổi đối thoại	
9.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương nghiêm minh với cán bộ cấp dưới	
	<i>Mức độ doanh nghiệp ủng hộ người đứng đầu</i>	
9.7	Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	
Tổng số chỉ tiêu		80